TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DSST
Ngày: 26/01/2024
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Chính;**
2. Ông **Nguyễn Đình Thung;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà T1 trình bày:

Bà T1 với bà Nguyễn Thị Hồng T là chị em bạn dâu. Bà T1 là đầu thảo hụi, bà T tham gia hụi viên và có vay tiền cụ thể:

1/ Hợp đồng góp hụi:

Bà Nguyễn Thị Hồng T có tham gia 06 dây hụi do bà T1 làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 30/10/2022 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 28 phần, bà T tham gia 02 phần. Bà T đã hốt 02 phần, hốt hụi kỳ 1 và kỳ 2, đóng được 23 kỳ hụi chết đến hết kỳ hụi tháng 7/2023, hụi mãn ngày 30/12/2023 âm lịch. Từ tháng 8/2022 đến nay bà T không đóng hụi chết.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 5 kỳ hụi chết, thành tiền là 5 kỳ x 2 phần x 2.000.000đ = 20.000.000đ.

Dây 2: Hụi mở ngày 15/4/2022 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 23 phần, bà T tham gia 01 phần, bà T đã hốt hụi kỳ 2, đóng được 17 kỳ hụi chết đến hết kỳ hụi tháng 8/2023, hụi mãn ngày 15/01/2024 âm lịch.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 6 kỳ hụi chết (từ tháng 9/2023 đến 15/10/2024), thành tiền là 12.000.000đ.

Dây 3: Hụi mở ngày 10/3/2022 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 25 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T đã hốt hụi kỳ 1 và kỳ 2, đóng được 20 kỳ hụi chết đến hết kỳ hụi tháng 8/2023, hụi mãn ngày 10/01/2024 âm lịch.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 5 kỳ hụi chết (từ tháng 9/2023 đến 01/2024), thành tiền là 5 kỳ x 2 phần x 2.000.000đ = 20.000.000đ.

Dây 4: Hụi mở ngày 20/10/2022 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 22 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T đã hốt hụi kỳ 1 và kỳ 2, đóng được 12 kỳ hụi chết đến hết 7/2023, hụi mãn ngày 20/6/2023 âm lịch.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 10 kỳ hụi chết (từ tháng 8/2023 đến 20/6/2024) thành tiền là 10 kỳ x 2 phần x 2.000.000đ = 40.000.000đ.

Dây 5: Hụi mở ngày 25/02/2023 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 23 phần, bà T tham gia 03 phần, bà T đã hốt hụi kỳ thứ 1,2,3, đóng được 07 kỳ hụi chết đến hết tháng 7/2023, hụi mãn ngày 25/12/2024 âm lịch.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 16 kỳ hụi chết (từ tháng 8/2023 đến 25/12/2024), thành tiền là 16 kỳ x 3 phần x 2.000.000đ = 96.000.000đ.

Dây 6: Hụi mở ngày 05/02/2023 âm lịch, hụi 2.000.000đ, gồm có 21 phần, bà T tham gia 02 phần, bà T đã hốt hụi kỳ 1, kỳ 2, đóng được 07 kỳ hụi chết đến hết tháng 8/2023, hụi mãn ngày 05/10/2024 âm lịch.

Dây hụi này bà T còn nợ tôi 14 kỳ hụi chết (từ tháng 9/2023 đến 05/10/2024) thành tiền là 16 kỳ x 2 phần x 2.000.000đ = 56.000.000đ.

Tổng cộng 6 dây hụi bà T nợ tôi số tiền là 244.000.000đ.

2/Hợp đồng vay tài sản: Ngoài 06 dây hụi ngày 25/02/2023 bà T có vay tôi 78.000.000đ không lãi suất, thỏa thuận 4 tháng trả tiền nhưng đến nay không trả.

Tổng cộng hụi và tiền mượn bà T nợ tôi số tiền tổng cộng là 322.000.000đ. Nay bà T có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền nợ hụi và vay tài sản tổng cộng là 322.000.000đ (ba trăm hai mươi hai triệu đồng). Thực hiện trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

[3] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền vay là 78.000.000đ và tiền nợ hụi là 244.000.000đ, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Hồng T có tham gia hụi của bà Nguyễn Thị Hồng T1 làm đầu Thảo, ngoài ra còn có vay tiền của bà T1, số tiền hụi là 244.000.000đ, số tiền vay là 78.000.000đ và phía bà T1 có cung cấp biên nhận bản chính ngày 15/8/2023 cho Tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng, bà T vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà T1, chứng bà T đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của bà T1. Như vậy, bà T1 yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả 78.000.000đ tiền vay và 244.000.000đ tiền hụi là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất tiền vay: Bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thời hạn trả nợ: Bà T1 yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T1 số tiền 322.000.000đ *(Ba trăm hai mươi hai triệu đồng),* trong đó tiền vay là 78.000.000đ và tiền hụi là 244.000.000đ, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 16.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T1 được miễn nộp toàn bộ tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh